

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 25 - 8 - 2023

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hoàng Giang.

Bà Đoàn Thị Sim.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 259/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2023 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 451/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn S, sinh năm 1966 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/3/2023, các văn bản kèm theo ông Trần Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Năm 1986, ông và bà Huỳnh Thị P kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì ông S và bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, cả hai không còn chung sống với nhau. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung

không còn hạnh phúc, nên ông S không thể đoàn tụ gia đình với bà P, nay ông cương quyết ly hôn với bà P và yêu cầu Tòa án xét xử cho ông ly hôn bà Huỳnh Thị P.

Về con chung: Có bốn người con chung tên Trần Thị Bé H (giới tính nữ), sinh ngày 01/01/1987, Trần Vũ L (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1989, Trần Thị K (giới tính nữ), sinh ngày 01/01/1991 và Trần Duy K (giới tính nam), sinh ngày 04/10/1993, hiện bốn người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện ở xa, phải đi làm thuê không thể tham gia phiên họp và hòa giải được nên ông Trần Văn S yêu cầu xin vắng mặt không tham gia buổi hòa giải và tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Tại Biên bản làm việc ngày 15/8/2023 bị đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1986 và không có đăng ký kết hôn. Do cuộc sống không hợp nhau nên hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2018 cho đến nay. Nay bà thống nhất ly hôn theo yêu cầu của ông S.

Về con chung: Có 04 người con chung tên Trần Thị Bé H (giới tính nữ), sinh ngày 01/01/1987, Trần Vũ L (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1989, Trần Thị K (giới tính nữ), sinh ngày 01/01/1991 và Trần Duy K (giới tính nam), sinh ngày 04/10/1993. Hiện tại các con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc làm ăn đi lại khó khăn nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị P xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 1986, ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị P chung sống với nhau như vợ chồng và không có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống với

nhau mà không thể hàn gắn tình cảm. Ông Trần Văn S xác định không còn tình cảm dành cho bà P, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ông S cương quyết ly hôn. Xét thấy, quan hệ hôn nhân của ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị P không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được. Hôn nhân giữa ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị P đã và đang trong tình trạng trầm trọng. Đối với yêu cầu của ông S, bà P thống nhất không có ý kiến gì. Xét hôn nhân giữa ông S và bà P tuy không có đăng ký kết hôn nhưng ông S và bà P chung sống trước ngày 03/01/1987 nên hôn nhân giữa ông S và bà P được công nhận là hôn nhân thực tế. Xét cho ông Trần Văn S ly hôn với bà Huỳnh Thị P là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có bốn người con chung tên Trần Thị Bé H (giới tính nữ), sinh ngày 01/01/1987, Trần Vũ L (giới tính nam), sinh ngày 01/01/1989, Trần Thị K (giới tính nữ), sinh ngày 01/01/1991 và Trần Duy K (giới tính nam), sinh ngày 04/10/1993, hiện bốn người con chung đã trưởng thành tự lao động nuôi sống bản thân, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Văn S ly hôn với bà Huỳnh Thị P.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn S phải chịu 300.000 đồng. Ông Trần Văn S đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0019077 ngày 17/7/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
 - VKSND huyện Phú Tân;
 - Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
 - Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
 - UBND xã P,
- huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Ngọc Trọng